TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-6-2021
Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Văn Hòa
2. Bà Lê Thị Kiều Thu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Bạch Hoàng Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 598/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984
2. Bị đơn: Ông Thái Văn H, sinh năm 1978
Cùng nơi cư trú: Khu phố a, phường H, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt Bà H, Ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và Ông Thái Văn H tìm hiểu, chung sống với nhau vào năm 1999, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Hàm Tiến, Tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Trong thời gian chung sống, bà làm nghề bán hàng rong, còn Ông H làm thợ hồ, kinh tế cũng đủ sống nhưng có điều Ông H thường tụ tập uống rượu khi say về nhà kiếm cớ gây sự, đánh đập bà. Bà H đã phải nhiều lần chịu đựng nhưng đến năm 2013 không chịu đựng được nên bỏ nhà ra đi không sống chung với Ông H nữa,

trong khoảng thời gian này bà và Ông H cũng không liên hệ hay giải quyết mâu thuẫn gì cả và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Nay tình cảm vợ chồng không còn nên Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn Ông H.

Về con chung: Bà H khai giữa bà và Ông H có 02 con chung tên Thái Thị L, sinh ngày 20/8/1999 và Thái Văn Th, sinh ngày 11/12/2003; Hiện nay cháu L đã trưởng thành và có khả năng lao động; Còn cháu Th đang sống với Ông H, sau khi ly hôn Bà H đồng ý giao cháu Th cho Ông H nuôi; còn Bà H chưa phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với Ông Thái Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần cũng như tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng Ông H cũng không đến Tòa án và cũng không trình bày ý kiến của mình.

Vụ án không hòa giải được do Ông H không đến tòa.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Bị đơn chấp hành chưa đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với Ông Thái Văn H; Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Thái Thị L, sinh ngày 20/8/1999 và Thái Văn Th, sinh ngày 11/12/2003; Giao cháu Thái Văn Th, sinh ngày 11/12/2003 cho Ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Do Ông H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xét; đối với cháu Thái Thị L đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết; Về tài chung và nợ chung: Bà H chưa yêu cầu giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*** Bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn Ông Thái Văn H và yêu cầu giải quyết về nuôi con. Bị đơn Ông Thái Văn H cư trú tại Khu phố a, phường H, Tp P, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông Thái Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa

nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xử vắng mặt Bà H, Ông H.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Bà Nguyễn Thị H và Ông Thái Văn H có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 113 quyển số 01 ngày 30/12/2002 tại UBND phường Hàm Tiến, Tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của Ông H và Bà H là hợp pháp.

Theo lời trình bày của Bà H trong đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Trong thời gian chung sống, Bà H làm nghề bán hàng rong, còn Ông H làm thợ hồ, kinh tế cũng đủ sống nhưng có điều Ông H thường tụ tập uống rượu khi say về nhà kiếm cớ gây sự, đánh đập bà. Bà H đã phải nhiều lần chịu đựng nhưng đến năm 2013 không chịu đựng được nên bỏ nhà ra đi không sống chung với Ông H nữa, trong khoảng thời gian này Bà H và Ông H cũng không liên hệ hay giải quyết mâu thuẫn gì cả và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn Ông H.

Theo khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình"*; theo khoản 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*; Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau"* và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*".

Từ quy định được viện dẫn nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H và Ông H không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình và cũng không còn giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau; Dẫn đến vợ chồng không còn chung sống với nhau nên đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định Điều 19 và Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay Ông H vẫn không có mặt chứng tỏ ông đã khước từ quyền tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Từ những nhận định trên, cho thấy yêu cầu ly hôn của Bà H là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật và đã thỏa mãn điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] ***Về con chung***: Bà H khai giữa bà và Ông H có 02 con chung tên Thái Thị L, sinh ngày 20/8/1999 và Thái Văn Th, sinh ngày 11/12/2003; Hiện nay cháu L đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xét; Còn cháu Th đang sống với Ông H, sau khi ly hôn Bà H đồng ý giao cháu Th cho Ông H nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Th đang sống chung với Ông H, Bà H cũng đồng ý giao cháu Th cho Ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; đồng thời tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2021 cháu Th cũng có nguyện vọng được sống chung với Ông H. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Th cho Ông H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu Th.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.4] ***Về tài sản chung và nợ chung***: Bà H chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] ***Về án phí:*** Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp Phan Thiết tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 19, 21, 51, 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với Ông Thái Văn H.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Thái Thị L, sinh ngày 20/8/1999 và Thái Văn Th, sinh ngày 11/12/2003; Cháu L đã trưởng thành và có khả năng lao động; giao cháu Thái Văn Th cho Ông Thái Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà Nguyễn Thị H và Ông Thái Văn H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Ngày 04/11/2020 Bà H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0008118 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết, nay chuyển thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị H, Ông Thái Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND Tp Phan Thiết;
- Chi cục THADS Tp Phan Thiết;
- Cơ quan đã thực hiện việc ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

QUÁCH VĂN HOÀNG